

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TÂN TRỤ
TỈNH LONG AN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 05/2025/DS-ST

Ngày: 13-02-2025.

V/v: “Tranh chấp góp hội”.

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TÂN TRỤ, TỈNH LONG AN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Kim Thoa.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Đoàn Minh Hùng.

2. Ông Nguyễn Văn Dế.

- Thư ký phiên tòa: Bà Huỳnh Xuân Quyên – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tân Trụ, tỉnh Long An.

Ngày 13 tháng 02 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tân Trụ, tỉnh Long An xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 169/2024/TLST-DS, ngày 14 tháng 10 năm 2024, việc “Tranh chấp góp hội theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 134/2024/QĐXXST-DS, ngày 23/12/2024 của Tòa án nhân dân huyện Tân Trụ, tỉnh Long An, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Bà Nguyễn Thị Ngọc G, sinh năm: 1985; Địa chỉ: Số A, ấp B, xã Đ, huyện T, tỉnh Long An. Có mặt.

2. *Bị đơn:*

2.1 Ông Trần Văn N, sinh năm: 1964. Vắng mặt.

2.2 Bà Phạm Thị L, sinh năm 1966. Vắng mặt.

Cùng địa chỉ: Số A tổ A, ấp T, xã Đ, huyện T, tỉnh Long An.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và tại phiên tòa nguyên đơn bà Nguyễn Thị Ngọc G trình bày như sau:

Do quen biết, bà có tham gia chơi hội do ông Trần Văn N và bà Phạm Thị L làm chủ. Bà tham gia 3 dây hội, cụ thể:

Dây hội 2.000.000đ/tháng, mở ngày 20/02/2023, hội 18 phần, bà tham gia 6 phần, hội sống đóng 1.600.000đ, hội chết đóng 2.000.000đ, tiền hoa hồng 1.000.000đ, bà đóng được 13 kỳ hội sống.

Dây hội 2.000.000đ/tháng, mở ngày 05/3/2023, hội 18 phần, bà tham gia 5 phần, hội sống đóng 1.600.000đ, hội chết đóng 2.000.000đ, tiền hoa hồng 1.000.000đ, bà đóng được 13 kỳ hội sống.

Dây hội 1.000.000đ/tháng, mở ngày 05/3/2023, hội 18 phần, bà tham gia 1 phần, hội sống đóng 800.000đ, hội chết đóng 1.000.000đ, bà đóng được 13 kỳ hội sống.

Tất cả các dây hội trên bà chưa được hốt. Sau đó, bà và bà L có chốt nợ lại với nhau, bà L xác định số tiền hội ông N, bà L còn nợ bà là 287.500.000đ. Bà L có trả được số tiền 9.500.000đ, còn nợ 278.000.000đ.

Nay bà yêu cầu ông N, bà L trả số tiền hội còn nợ 278.000.000đ, không yêu cầu tính lãi.

Bị đơn bà Phạm Thị L và ông Trần Văn N vắng mặt trong suốt quá trình tố tụng.

Tại phiên tòa: Đương sự có mặt trình bày đã cung cấp đủ các chứng cứ, không cung cấp chứng cứ gì thêm đồng thời vẫn giữ ý kiến và yêu cầu của mình.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Bà Nguyễn Thị Ngọc G khởi kiện yêu cầu bà Phạm Thị L và ông Trần Văn N trả số tiền hội còn nợ nên Tòa án xác định quan hệ tranh chấp trong vụ án là góp hội theo quy định tại Điều 471 của Bộ luật Dân sự; Bà L, ông N hiện đang sinh sống tại địa chỉ tại xã Đ, huyện T, tỉnh Long An nên thẩm quyền giải quyết vụ án thuộc Tòa án nhân dân huyện Tân Trụ, theo quy định tại khoản 3 Điều 26, Điều 35, Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Tòa án đã tiến hành cấp, tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự cho bị đơn nhưng bị đơn vẫn vắng mặt nên Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn theo quy định tại Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Nguyên đơn yêu cầu bị đơn trả số tiền hội còn nợ là 278.000.000đ. Nguyên đơn có cung cấp giấy viết tay có nội dung: “*Hội của thím út Nhân. Khai ngày 20-2 trước-2023. Hội 2.000.000 (Hai triệu). Đóng đến 20-1-2024. Được 13 tháng. Giàu chơi 6 phần. Tổng cộng 125.000.000đ + 1.375.000đ = 287.500.000đ*” có chữ ký của bà Phạm Thị L. Tòa án đã tiến hành cấp, tổng đạt cho bà L và ông N thông báo về việc thụ lý vụ án; Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải. Trong các văn bản này Tòa án đã nêu rõ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn cũng như các tài liệu, chứng cứ nguyên đơn đã nộp nhưng bà L, ông N không có ý kiến phản đối gì. Do đó, Hội đồng xét xử xác định đây là tình tiết không phải chứng minh theo quy định tại khoản 2 Điều 92 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Khoản 2 Điều 92 của Bộ luật Tố tụng dân sự quy định: “*Một bên thừa nhận hoặc không phản đối những tình tiết, sự kiện, tài liệu, văn bản, mà bên đương sự kia đưa ra thì bên đương sự đó không phải chứng minh*”. Do đó, có căn cứ xác định bà Giàu C tham gia chơi hội do bà L làm chủ, sau khi kết thúc hội hai bên có thỏa thuận chốt nợ lại với nhau và bà L, ông N còn nợ số tiền hội của bà G 287.500.000đ. Căn cứ Điều 6 Bộ Luật Tố tụng dân sự đương sự có quyền và nghĩa vụ chủ động thu thập, giao nộp chứng cứ cho Tòa án và chứng minh cho yêu cầu của mình là có căn cứ và hợp pháp. Bà G xác định bà L có trả số tiền 9.500.000đ, hiện còn nợ số tiền 278.000.00đ. Từ những nhận định trên, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của bà G. Buộc bà Phạm Thị L và ông Trần Văn N phải trả số tiền còn nợ là 278.00.000đ cho bà Nguyễn Thị Ngọc G.

[4] Về tiền lãi: Nguyên đơn không yêu cầu bị đơn trả lãi suất nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[5] Về án phí dân sự sơ thẩm: Bị đơn phải chịu án phí trên số tiền phải trả cho nguyên đơn. Hoàn trả số tiền tạm ứng án phí cho nguyên đơn.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 228, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 471, Điều 357 của Bộ luật Dân sự; Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Ngọc G về việc “tranh chấp góp hội” với bà Phạm Thị L và ông Trần Văn N.

1.1. Buộc bà Phạm Thị L và ông Trần Văn N phải trả cho bà Nguyễn Thị Ngọc G số tiền hội còn nợ là 278.00.000đ (Hai trăm bảy mươi tám triệu đồng).

1.2. Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm:

2.1. Bà Phạm Thị L và ông Trần Văn N phải chịu số tiền 13.900.000đ (Mười ba triệu, chín trăm nghìn đồng) án phí sung vào ngân sách nhà nước.

2.2. Hoàn trả cho bà Nguyễn Thị Ngọc G số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 6.950.000đ (Sáu triệu, chín trăm năm mươi nghìn đồng) theo biên lai số 0009711 ngày 11/10/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tân Trụ, tỉnh Long An.

3. Đương sự có mặt được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, tính từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được cấp, tổng đạt hợp lệ.

4. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7, Điều 7a, Điều 7b và Điều 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

-TAND tỉnh Long An;
-VKSND huyện Tân Trụ;

-THA DS huyện Tân Trụ;
-Các đương sự;
-Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Kim Thoa